TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN** Bản án số: 15/2023/DS-ST Ngày: 01-08-2023 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và phường hụi.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH -TỈNH NGHỆ AN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Xuân Thọ - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tường.

2. Bà Nguyễn Thị Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang – Thư ký, Toà án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ngày 01 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Dân sự thụ lý số: 33/2023/TLST-DS, ngày 12 tháng 04 năm 2023 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và phường hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2023/QĐST-DS, ngày 17 tháng 07 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn:

-Bà Đinh Thị Th; nơi cư trú: Xóm 4, xã Đ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (có mặt).

-Ông Phan Văn Ch; nơi cư trú: Xóm 4, xã Đ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Chức: Bà Đinh Thị Th, nơi cư trú: Xóm 4, xã Đ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An là người đại diện theo ủy quyền (văn bản uỷ quyền ngày 28/07/2023) (có mặt).

2.Bị đơn: Bà Lê Thị Thu Th; nơi cư trú: Xóm 4, xã Đ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 03 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn Ch và bà Đinh Thị Th trình bày:

Gia đình Ông, Bà và bà Lê Thị Thu Th là bạn hàng xóm, bạn làm ăn nên ngày 10/6/2022, bà Lê Thị Thu Th đến nhà Ông, Bà vay 1.000.000.000 đồng để về làm ăn, không lãi suất, thời hạn vay là 03 tháng (kể từ ngày 10/06/2022 đến ngày 10/09/2022).

Vợ chồng Ông, Bà đã nhất trí và cho bà Th vay 1.000.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền 1.000.000.000 đồng đầy đủ bà Th đã viết giấy cam kết vay tiền, ký, điểm chỉ, ghi họ tên vào bên vay tiền. Ông ký vào bên cho vay tiền.

Năm 2022 bà Lê Thị Thu Th làm trưởng phường và bà Đinh Thị Th cũng làm trưởng phường.

Bà T tham gia 06 dây phường do bà Th làm chủ nhưng bà T chưa bốc dây phường nào.

Bà Th tham gia 4 - 5 dây phường do bà T làm chủ nhưng bà Th đã bốc 2 – 3 dây phường.

Đến kỳ bà T bốc phường thì bà Th tuyên bố bể phường không có thanh toán nên ngày 15/01/2023 bà T và bà Th đã kiểm tra sổ phường, chốt bà Th nợ tiền phường của bà T, bà T nợ tiền phường của bà Th. Sau khi cân đối bù trừ cho nhau thì bà Th còn nợ tiền phường của bà T là 1.180.000.000 đồng và bà Th đã viết giấy nợ tiền phường của bà T là 1.180.000.000 đồng, đồng thời ký hi họ tên đầy đủ.

Số tiền bà T đóng phường cho bà Th là tài sản chung của vợ chồng.

Hiện nay gia đình ông, bà làm ăn thua lỗ, lâm cảnh nợ nần cùng cực nên đã nhiều lần gặp bà Th để yêu cầu bà Th trả toàn bộ số tiền đã vay nói trên nhưng bà Th vẫn không trả.

Nay Ông, Bà yêu cầu bà Lê Thị Thu Th phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền 2.180.000.000 đồng (hai tỉ một trăm tám mươi triệu đồng) và trả tiền lãi suất kể từ khi vay cho đến nay là 94.600.000 đồng.

Tại phiên tòa bà T không yêu cầu bà Th trả 94.600.000 đồng tiền lãi suất. Bà T rút yêu cầu về việc yêu cầu bà Th trả 94.600.000 đồng tiền lãi suất và không yêu cầu Tòa giải quyết nữa.

Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Thu Th trình bày:

Số tiền Bà vay của ông Phan Văn Ch và bà Đinh Thị Th là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), mục đích là để hùn vốn đầu tư đất với vợ chồng ông bà Chức Thuyết.

Còn đối với khoản tiền 1.180.000.000 đồng (một tỉ một trăm tám mươi triệu đồng) tiền phường, bà Th hoàn toàn nhất trí với khoản nợ này.

Tổng số tiền bà Lê Thị Thu Th có nợ ông Phan Văn Ch và bà Đinh Thị Th số tiền 2.180.000.000 đồng (hai tỉ một trăm tám mươi triệu đồng) nhưng do khó khăn nên chưa có điều kiện trả cho ông Chức, bà T. Nay ông Chức, bà T yêu cầu trả 2.180.000.000 đồng (hai tỉ một trăm tám mươi triệu đồng) thì bà Th hoàn toàn nhất trí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn bà Lê Thị Thu Th đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Th vắng mặt phiên họp không có lý do nên Tòa án tiến hành phiên họp.

- Tòa án tống đạt hợp lệ kết quả phiên họp và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2 nhưng bà Th vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản " không tiến hành hòa giải vụ án được"

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 10/6/2022 gia đình ông Chức, bà T cho bà Lê Thị Thu Th vay 1.000.000.000 đồng để về làm ăn, không lãi suất, thời hạn vay là 03 tháng, kể từ ngày vay tiền. Hai bên đã viết giấy vay tiền và ký họ tên đầy đủ vào giấy.

Năm 2022 Bà T có tham gia phường do bà Th làm trưởng phường. Đến kỳ Bà xin bốc phường thì bà Th Tuyên bố bể phường không có tiền trả nên ngày 15/01/2023 hai bên đã tính toán và thống nhất bà Th nợ tiền phường bà Tuyết là 1.180.000.000 đồng. Bà Th đã viết giấy nợ tiền phường bà T 1.180.000.000 đồng và ký họ tên đầy đủ vào giấy.

Số tiền bà T đóng phường cho bà Th là tài sản chung của vợ chồng.

Nay ông Chức, bà T yêu cầu bà Lê Thị Thu Th trả 2.180.000.000 đồng tiền gốc. Còn tiền lãi suất kể từ khi vay cho đến nay là 94.600.000 đồng thì ông Chức, bà T xin rút, không yêu cầu Tòa giải quyết nữa.

Bà Lê Thị Thu Th thừa nhận Bà nợ vợ chồng ông Chức , bà T số tiền 2.180.000.000 đồng đúng như ông Chức, bà T trình bày. Nay ông Chức, bà T yêu cầu bà trả 2.180.000.000 đồng, Bà hoàn toàn nhất trí.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa bà T yêu cầu bà Th trả số tiền vay và tiền phường là 2.180.000.000 đồng vợ chồng Bà. Bà Th thừa nhận vay ông Chức, bà T 1.000.000.000 đồng và nợ tiền phường bà T 1.180.000.000 đồng. Nay ông Chức, bà T yêu cầu bà Th trả 2.180.000.000 đồng, bà Th hoàn toàn nhất trí. Như vậy các đương sự hoàn toàn tự nguyện thỏa với nhau về số nợ nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc bà Th phải trả cho ông Chức và bà T 2.180.000.000 đồng tiền vay và tiền phường.

Về lãi suất: Tại phiên Tòa chị Thuyết tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Lê Thị Thu Th trả 94.600.000 đồng tiền lãi suất

nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu này của bà T, ông Chức là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của ông Phan Văn Ch và bà Đinh Thị Th được chấp nhận nên bà Lê Thị Thu Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000 đồng + (2.180.000.000 đồng – 2.000.000.000 đồng) x 2% = 75.600.000 đồng; .

Hoàn trả cho ông Phan Văn Ch và bà Đinh Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 463, 466, 468, 470, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Ch và bà Đinh Thị Th.

2. Buộc bà Lê Thị Thu Th phải trả cho ông Phan Văn Ch và bà Đinh Thị Th số tiền 2.180.000.000đ (Hai tỉ, một trăm tám mươi triệu đồng)

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Phan Văn Ch và bà Đinh Thị Th về việc " yêu cầu bà Lê Thị Thu Th trả 94.600.000 đồng tiền lãi cho ông Phan Văn Ch và bà Đinh Thị Th"

4. Án phí:

Buộc bà Lê Thị Thu Th phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 72.600.000 đồng.

Ông Phan Văn Ch và bà Đinh Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.746.000đ (Ba mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000757 ngày 11 tháng 04 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

5. Thi hành án và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả;
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ